

# CON ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ BƯỚC NGOẶT CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

*Thạc sĩ Ngô Sáu*  
*Phó hiệu trưởng trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk*

Sự xâm lược và thống trị của đế quốc Pháp không những làm cho dân tộc ta mất độc lập, chủ quyền mà còn kìm hãm nước ta trong vòng lạc hậu. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp càng trở nên sâu sắc. Đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành lại nền độc lập cho nước nhà là một đòi hỏi bức thiết của dân tộc ta.

Những con đường cứu nước của văn thân, sĩ phu chưa giải được độc lập dân tộc với tiến bộ xã hội như Phan Đình Phùng- vị tiến sĩ tiêu biểu cho lớp sĩ phu Cần vương đã viết: “Nhưng tôi ngẫm nghĩ lại, nước mình mấy ngàn năm nay, đất nước chẳng rộng, quân lính không mạnh, tiền của chẳng giàu, cái chỗ dựa để dựng nước, là nhờ cái gốc vua tôi, cha con theo năm đạo thường mà thôi”<sup>1</sup>

Nếu như cuối thế kỷ XIX, giữ vai trò lãnh đạo chủ chốt của phong trào là các văn thân, sĩ phu yêu nước, thì đến những năm đầu thế kỷ XX, một lớp chí sĩ yêu nước và cách mạng mới xuất hiện. Người đề xướng, xây dựng tổ chức lãnh đạo và tiến hành các hoạt động cứu nước bằng thủ đoạn bạo động là Phan Bội Châu ( 1867-1940 ), Người khởi xướng ngã đường cải lương, khôi phục chủ quyền đất nước là Phan Chu Trinh ( 1872—1926 ). Đó là hai nhánh của con đường đấu tranh giành độc lập, tự do theo khunh hướng tư sản. Khởi đầu là thành lập **Duy tân hội ra đời năm 1904** và đảm trách cuộc vận động Đông du, đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật học tập, chuẩn bị lực lượng cán bộ cho công cuộc chấn hưng dân khí, mở mang dân trí và xúc tiến bạo động đánh đuổi thực dân Pháp. Ngay ở thời điểm chuẩn bị cho phong trào Đông du, khi Phan Bội Châu tiếp xúc với nhiều chính khách cao cấp Nhật Bản, ông đã không nhận được tiếng nói ủng hộ Việt Nam giành độc lập, họ chỉ nhận giúp học sinh Việt Nam sang Nhật học tập.

Phong trào Đông du do Phan Bội Châu và Duy tân hội chủ trương đã nhận được sự hưởng ứng của nhiều giới đồng bào, nhất là thanh niên ở Bắc, Trung, Nam và phát triển mạnh vào nửa sau năm 1905. Phong trào bị dập tắt vào năm 1908, khi thực dân Pháp đàm phán và ký kết với chính phủ Nhật bản hiệp ước trục xuất lưu học sinh Việt Nam. Tiếp đó, Đông Á Đồng minh hội do Phan Bội Châu liên kết với nhiều nhà yêu nước và cách mạng của nhiều nước Đông Á lập ra tại Nhật Bản cũng bị giải tán..

Sự thất bại của phong trào Đông du cho thấy con đường cứu nước không thể thực hiện được bằng sự giúp đỡ của bất cứ một nước đế quốc nào. Sự thất đó cũng làm cho Phan Bội Châu nhận thức sâu sắc bản chất của chủ nghĩa đế quốc đối với vấn đề thuộc địa và càng thâm thía lời của Cung Kỳ Thao Thiên, một nhà hoạt động chính trị người Nhật, nói với ông: “ Thế lực một mình nước Việt Nam tất không đánh đổ được Pháp, thế thì cầu giúp với nước láng giềng cũng là lẽ phải. Nhưng mà Nhật Bản làm gì giúp cho các người được. Nhật Bản, chính trị gia tất thấy giàu về phần dã tâm mà nghèo về phần nghĩa hiệp...Trọng nhân đạo, ghét cường quyền, thế giới chắc không thiếu hạng người, mà chỉ duy hạng người ấy mới giúp được các ông ”<sup>2</sup>

Tuy ban đầu, Chính phủ Nhật bản dung nạp thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập, vì họ muốn mưu đồ cạnh tranh với đế quốc Pháp. Song hành động đó của chính

<sup>1</sup> Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1858-1900), Nxb Văn học, HN, 1970, tr282

<sup>2</sup> . Phan Bội Châu: Toàn tập, Nxb Thuận hóa, 1990, tập 6, tr.178

phủ Nhật Bản chỉ là tạm thời. Cuối cùng do yêu cầu của nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương, họ đã phá hoại phong trào.

Phương thức bạo động được thực thi kể từ khi Việt Nam Quang Phục Hội do Phan Bội Châu và các đồng chí của ông thành lập (năm 1912). Tôn chỉ của VNQPH là đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nền độc lập, thành lập nước Cộng hòa dân quốc thay cho chính thể quân chủ lập hiến mà *Duy Tân hội* chủ trương. Cơ sở của hội ở trong nước rất mỏng manh, lực lượng chủ yếu của hội là ở nước ngoài. Cách tổ chức của hội thiếu khoa học, không có chương trình, kế hoạch hoạt động rõ ràng, chỉ chú trọng hoạt động võ trang, dễ sa vào manh động, nặng về việc trừ khử những tên trùm thực dân và tay sai của chúng. Vì vậy, hoạt động của VNQPH không được tiến hành liên tục và rộng khắp. Sự nỗ lực cao nhất của VNQPH được thể hiện - mà cũng là gián tiếp trong cuộc khởi nghĩa Duy Tân 1916 và khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Đến đây vai trò của VNQPH cũng kết thúc, kéo theo nó ngã đường cứu nước bằng phương pháp bạo động cũng lâm vào vòng bế tắc. Duy Tân hội và VNQPH đều bộc lộ sự thiếu hụt lý luận cách mạng, thiếu cương lĩnh và chương trình, kế hoạch hành động mà chủ yếu dựa trên tinh thần yêu nước nhiệt thành. Phan Bội Châu chủ trương để cứu nước phải “hết sức mở mang tư tưởng thương nước, ghét thù cho quốc dân, mà chú ý thì chỉ quy kết có một câu “Cử quốc đồng tâm” (cả nước cùng một lòng – TN) chia làm 10 mục (Phú hào, quan lại, con nhà giàu, Thiên chúa giáo, thủy, lục tập binh, các tổ chức cách mạng, thông ký, bồi, bếp, chị em bạn gái, con em gia đình có thù giặc và hải ngoại du học) phải đồng tâm. Trong số mười lớp người đó, thiếu hẳn thợ thuyền và dân cày, mặc dù không kể giai cấp nông dân là giai cấp cũ có từ trước, vào đầu thế kỷ XX thợ thuyền cũng trở thành một giai tầng xã hội. Cho đến năm 1924, khi viết truyện của Phạm Hồng Thái, Phan Bội Châu mới nêu được vai trò quan trọng của hai giai cấp trên: “Hơn nữa, việc huấn luyện cách mạng xã hội không thể thành công nếu không dựa vào số đông người thuộc giai cấp dưới. Số đông của giai cấp dưới chính là công nhân và nông dân”<sup>3</sup>. Nhân đây cũng cần nói thêm rằng, theo Phan Bội Châu nhận thức của Phạm Hồng Thái về vai trò của giai cấp vô sản là do Nguyễn Ái Quốc truyền bá: “Phạm quân vốn đau khổ vì cái cảnh giai cấp vô sản bị treo ngược, nhưng mấy lâu nay chưa có cách gì để giải cứu. Nay nghe Nguyễn quân (Nguyễn Ái Quốc – TN), thật như người vừa tỉnh mộng”<sup>4</sup>.

Bạo động theo quan niệm của Phan Bội Châu và các đồng chí của anh chỉ dừng lại ở hoạt động quân sự đơn, lẻ, chưa phân biệt với manh động và ám sát cá nhân. Giữa bạo động và cách mạng bạo lực có một khoảng cách rất rộng mà họ chưa vươn tới được. Trong khoảng gần hai thập kỷ đầu thế kỷ XX, chủ trương và hoạt động của xu hướng bạo động thường chỉ bó hẹp trong khuôn khổ đấu tranh vũ trang của một lực lượng nhất định, chưa tiến hành được những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đông đảo quần chúng theo một kế hoạch chủ động tấn công kẻ thù để giành thắng lợi quyết định.

Đương đầu với thực dân Pháp trong nhiều năm bằng phương pháp bạo động do Duy Tân Hội và VNQPH vận động và tổ chức thực hiện nhưng mục tiêu cứu nước vẫn không thực hiện được. Trước tình hình đó, vào cuối chiến tranh thế giới thứ nhất, Phan Bội Châu đã ngã sang xu hướng cải lương. Ở ông đến lúc này, lòng yêu nước nhiệt thành vẫn không hề suy giảm, song những tôn chỉ khôi phục nền độc lập với toàn bộ chủ quyền đất nước trong chế độ quân chủ lập hiến hay cộng hòa dân chủ đã được thay thế bằng những yêu cầu về quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận mà nhà cầm quyền thực dân Pháp phải trao cho nhân dân Việt Nam. Những yêu cầu đó được Phan Bội Châu biểu đạt rõ trong tác phẩm *Thiên hội !* Để hồi !: “*Điều mà ngày nay người Việt Nam yêu cầu ở*

<sup>3</sup>. Phan Bội Châu: Sđd, tập 3, tr.579, 580.

<sup>4</sup>. Phan Bội Châu: Sđd, tập 3, tr.579,580

*người Pháp chưa phải là đòi lại đất đai, chưa phải là đòi lại mọi quyền lợi. Tất cả ruộng đất, quyền lợi cứ để cho người Pháp lũng đoạn, người Việt Nam không oán. Người Việt Nam chỉ mới yêu cầu lấy lại một phần còn con của quyền làm người mà trời đã phú cho. Phần còn con ấy là gì? Xin thưa: Chúng tôi mong mỗi người Pháp thả mắt chúng tôi ra cho chúng tôi nhìn; thả tai chúng tôi ra cho chúng tôi nghe, cởi tay chân chúng tôi ra cho chúng tôi co duỗi, buông đầu óc chúng tôi ra cho chúng tôi được thỏa mãn cái phần còn con mà trời đã phú được tạm đủ, thì có thể là chúng tôi hạnh phúc lắm rồi”<sup>5</sup>.*

Từ bạo động chuyển sang cải lương, Phan Bội Châu đã đi theo xu hướng chính trị cải lương vốn gần gũi với bản chất chính trị của giai cấp tư sản Việt Nam. Song chủ trương cải lương của Phan Bội Châu khác hẳn chủ nghĩa cải lương của tư sản mại bản và đại địa chủ làm tay sai cho thực dân Pháp.

Những năm đầu thập kỷ 20, trước khi bị thực dân Pháp bắt, trong lúc gặp bế tắc, chưa mở được hướng đi mới cho sự nghiệp cứu nước, Phan Bội Châu đã bắt gặp được lý luận về chủ nghĩa xã hội, tìm hiểu chế độ xô viết, thành quả Cách mạng Tháng Mười Nga và gặp đại sứ Nga tại Bắc Kinh để bàn về việc gửi học sinh Việt Nam sang Nga học tập. Từ đó, một tình cảm tốt đẹp đã nảy nở trong lòng Phan Bội Châu với chủ nghĩa xã hội: “May thay giữa lúc khói độc, mây mù, thành linh có một trận gió xuân thổi tới. Chính giữa lúc trời khuya, đất ngủ, thành linh có một tia thái dương mọc ra. Trận gió xuân ấy, tia thái dương ấy là chủ nghĩa xã hội vậy”<sup>6</sup>. Cùng vào thời điểm đó, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu lan tỏa trong một bộ phận người Việt Nam có điều kiện tiếp xúc với nó.

Cùng theo khuynh hướng dân chủ tư sản trong những năm đầu thế kỷ XX xu hướng cứu nước bằng phương pháp cải lương do Phan Chu Trinh và nhiều nhà nho yêu nước khởi xướng. Mở đầu hoạt động cứu nước bằng phương pháp cải lương Phan Chu Trinh gửi thư cho Toàn quyền Đông Dương năm 1906, trong đó biểu đạt những quan điểm chủ yếu của xu hướng cứu nước – cải lương. Phan Chu Trinh viết: “ Nếu Chính phủ thật sẵn lòng đổi hết chính sách đi, kén chọn người hiền tài, trao quyền bính cho, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc đẩy lợi trừ hại trong nước, mở đường sinh nhai cho dân nghèo, rộng quyền ăn nói cho thân sĩ, báo quán cho mở rộng để thòpng đạt tình dân, thưởng phạt cho nghiêm để khuyên răn quan lại, còn đến những việc đòi pháp luật, bỏ khoa cử, mở trường học, đặt tòa tu thư, dạy lớp sư phạm, cho đến học công thương, học mỹ nghệ, và các ngành sưu thuế đều cải lương dần dần, thế thì dân được yên nghiệp làm ăn, sĩ thì vui lòng giúp việc cho Chính phủ, chỉ sợ người Pháp bỏ nước Việt Nam mà đi, còn ai toan mưu việc chống cự nữa”<sup>7</sup>

Bức thư của Phan Chu Trinh cùng với hoạt động của các nhà yêu nước theo xu hướng cải lương đã đẩy lên một phong trào duy tân sôi nổi với nhiều hình thức và cuốn hút nhiều giới đồng bào. Đến năm 1907, tại Hà Nội trường Đông kinh nghĩa thực được thành lập và mau chóng trở thành một trung tâm giảng dạy, truyền bá ánh sáng văn minh và tư tưởng duy tân, cải lương giáo dục tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc. Tại Hà Nội quần chúng chuẩn bị bạo động vượt qua khuôn khổ cải lương. Vì thế, nhà cầm quyền Pháp cho rằng Đông kinh nghĩa thực là “cái lò phiến loạn ở Bắc kỳ”.

Năm 1908 phong trào chống thuế ở trung kỳ diễn ra đã thu hút hàng chục vạn người tham gia những thực dân Pháp đã dập tắt phong trào, bắt bớ, giam cầm hàng loạt chiến sĩ yêu nước khởi xướng và tổ chức phong trào.

<sup>5</sup>. Phan Bội Châu: Toàn tập; nxb Thuận hóa, 1990, tập3, tr.563

<sup>6</sup>. Phan Bội Châu: Sđd, tập 4, tr.132

<sup>7</sup>. Hợp tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX(1900-1930), Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr.159.

Hạn chế cơ bản của Phan Chu Trinh và xu hướng cải lương là chưa xác định chính xác kẻ thù của dân tộc và của nhân dân là thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Hơn thế nữa họ còn hy vọng có thể dựa vào Pháp để chống lại bọn quan lại sâu mọt và canh tân đất nước. Điều đó không phù hợp với yêu cầu khách quan của nhiệm vụ giải phóng dân tộc và đánh giá không đúng bản chất và âm mưu của kẻ xâm lược.

Về quyền dân chủ, các nhà yêu nước cải lương cũng chỉ mới đề cập tới một số mặt như giảm nhẹ sưu thuế, đòi tự do kinh doanh, tự do ngôn luận mà chưa nói đến nhiều vấn đề cơ bản về quyền dân chủ chính trị, kinh tế được thực hiện trong nền độc lập, tự do của Tổ quốc và họ chưa thấy được sức mạnh của quần chúng nhân dân mà chỉ đánh giá họ là yếu hèn do trình độ văn hóa thấp kém. Cho nên không tổ chức lực lượng nhân dân đông đảo đấu tranh và không sử dụng được bạo luận chúng.

*Những chủ trương cải lương yêu nước đầu thế kỷ XX được xây dựng trên nền tảng tư tưởng tư sản chỉ có tác dụng khởi động phong trào yêu nước, nhưng không đóng vai trò dẫn đường cho phong trào giải phóng dân tộc đi tới thắng lợi.*

Xác định con đường cách mạng đúng đắn càng trở thành yêu cầu bức bách của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Song quan điểm cải lương – yêu nước của Phan Chu Trinh không còn đủ sức đáp ứng yêu cầu đó. Phan Văn Trường, một trí thức yêu nước từng sống nhiều năm với Phan Chu Trinh tại Pari, có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn nhà yêu nước đứng đầu xu hướng cải lương và lý giải vấn đề trên: “Ông Phan Chu Trinh là một người thông minh, một người tài ba, một đồng chí tốt. Song ông không đủ phẩm chất để làm một nhà cách mạng”<sup>8</sup>

Chính Phan Chu Trinh cho đến những năm cuối đời, tuy vẫn giữ quan điểm cải lương, nhưng đã thấy rõ sự bất lực và thừa nhận sự tài năng, vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam: “Tôi khuyên anh nên thu xếp mà về, đưa tài năng của mình kích động nhân dân, hô hào đồng bào ba kỳ đồng tâm hiệp lực để mà đánh đổ cường quyền áp chế ắt là thành công”...

Anh Nguyễn, tôi tưởng tâm với anh đã rõ nguồn cơn. Bây giờ tôi tức chim lồng, cá chậu. Vả lại cây già thì có rễ lay, người già thì có trí lẫn, cảnh tôi như hoa sắp tàn, hiềm vì quốc phá gia phong, mà hơn tàn cũng gào cho hả giận, may ra có tỉnh giấc hồn mê. Còn anh như cây đưng lộc, nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông... Tôi cầu chúc anh thành công và hy vọng thấy mặt nhau ở quê hương xứ sở”.<sup>9</sup>

Thử nghiệm cuối cùng của xu hướng cách mạng dân chủ tư sản do Việt Nam Quốc dân đảng thực hiện. Việt Nam quốc dân đảng ra đời cuối năm 1927 và tiến hành khởi nghĩa Yên Bái thất bại, đánh dấu sự tan rã của xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, và cũng xác nhận sự bất lực của tư tưởng tư sản trong việc xác lập con đường cách mạng phù hợp quy luật vận động của cách mạng Việt Nam.

Ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, tuy phong trào yêu nước chống Pháp đã diễn ra mạnh mẽ liên tục nhưng đều không giành được thắng lợi. Một trong những nguyên nhân thất bại là nhân dân ta chưa có một đường lối cách mạng thích hợp với thời đại mới của lịch sử, thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, chưa có một lực lượng lãnh đạo có đủ điều kiện cho cách mạng giải phóng dân tộc đến thành công.

Sự nghiệp giải phóng dân tộc càng lâm vào cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. Vấn đề đặt ra lúc này: Cần phải tìm ra một con đường cứu nước khác với con đường phong kiến và con đường dân chủ tư sản. Đó là một đòi hỏi tất yếu của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX.

<sup>8</sup>. Phan Văn Trường: Một thiên lịch sử về một người Việt Nam mưu phần ở Pari hay là sự thật về Đông Dương. 1928, tr.83 (tiếng pháp)

<sup>9</sup>. Thư Phan Chu Trinh gửi Nguyễn Ái Quốc năm 1922. Báo nhân dân, số 10553, 19-5-1983

Ngày 5/6/1911 Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước. Là một thầy giáo nhưng Người sớm nhìn rõ rằng, trong hoàn cảnh của người dân mất nước thì lập thân bằng con đường văn chương là thấp kém nhất và Người đã không đi theo con đường đó. Nhưng lẽ nào là con đường cứu nước lại là con đường “đuôi hổ cửa trước, rước beo cửa sau” hoặc là con đường “xin giặc rũ lòng thương”? Không đi theo con đường mòn của các sĩ phu yêu nước. Người quyết tâm đi sang các nước đế quốc để tìm hiểu chúng, tìm cách đánh đuổi chúng để về giúp đồng bào. Đó là một quyết tâm rất đúng.

Sau quyết định về **hướng đi**- quyết tâm quan trọng đầu tiên là quyết tâm rất dũng cảm về **cách đi**. để tìm hiểu cho ra những sự thật của nhân loại đương thời, dù vốn liếng không có gì ngoài hai bàn tay trắng. Người đã băng qua mọi sóng gió, vượt hết mọi khó khăn, đi mãi, tìm tòi, nghiên cứu mãi. Theo tài liệu đã có, Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã đặt chân tới tất cả 37 nước, trong đó có 25 nước Người đã tới trước cách mạng tháng Tám thành công<sup>10</sup>. Đó là những chặng đường đo bằng chiều dài không gian, đồng thời đo bằng quyết tâm và trí tuệ.

Nói đến quyết tâm của Người đi tìm lối thoát cho nhân dân ta, không thể không nói đến cuộc sống lao động của Người trong thời kỳ ấy. Qua nghiên cứu sơ bộ, đã có thể biết rằng trước sau Người đã làm khoảng hơn 20 nghề<sup>11</sup> bao gồm những nghề rất nặng nhọc của người lao động chân tay và cả những nghề đòi hỏi phải có trình độ kiến thức cao của người lao động trí óc. Thái độ của Người là : không có nghề gì “hèn mọn”.

Một điểm nổi bật ở Chủ Tịch Hồ Chí Minh là quyết tâm nghiên cứu học tập, để mở rộng kiến thức, để làm cách mạng. Từ buổi thiếu thời trong suốt những năm tháng đi khắp góc biển chân trời, trong những điều kiện hết sức khó khăn, lúc nào và ở đâu Người cũng ra sức tranh thủ thời gian học tập. Những kiến thức toàn diện, sâu rộng của Người nói rõ công sức và quyết tâm học tập của Người lớn biết bao nhiêu. Đặc biệt Chủ Tịch Hồ Chí Minh thông thạo rất nhiều thứ tiếng<sup>12</sup> nhất là những ngôn ngữ thông dụng của thế giới. Đây là điều ít ai sánh kịp, khi xét đến hai điểm: một là những điều kiện vật chất thiếu thốn trăm bề của Người lúc ấy, và hai là trình độ hiểu biết uyên thâm của Người về những ngôn ngữ mà Người thông thạo.

Qua thực tiễn đấu tranh, học tập và nghiên cứu, Hồ Chí Minh đã đọc luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa và các học thuyết cách mạng khác nhau. Người sớm nhận thức được những chân lý về giai cấp, dân tộc và thời đại. Cách mạng tháng Mười thắng lợi là một sự kiện đặc biệt quan trọng. Nó mở ra một thời đại mới trong lịch sử nhân loại, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh. Người đã tìm thấy ở đây những tư tưởng mới chỉ ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Việc Hồ Chí Minh bỏ phiếu tán thành quốc tế III và thành lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 khẳng định sự lựa chọn dứt khoát của Người : Đứng hẳn về phía cách mạng tháng Mười và Quốc tế cộng sản. Sự lựa chọn đó cũng là bước ngoặt quan trọng, khẳng định Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho nhân dân ta. Đó là con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và giải phóng toàn xã hội. Cốt lõi con đường cứu nước của Hồ Chí Minh là độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường cứu nước đúng đắn nhất vì nó đáp ứng

<sup>10</sup> . -Xin-ga-po,Xơ-ri Lan-ca, Ai cập, Pháp, An- giê- ri, Tuy-ni-di, Xê- Nê- gan,, Ghi- nê, Đa- hô- mây, Công gô, U-ru-goay, Mỹ, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đức, Liên Xô, Bi, I-ta-li-a, Thụy sĩ, Thái lan, Trung Quốc, Hồng Công....

<sup>11</sup> . Đồng chí Hồ Chí Minh đã từng làm phụ bếp, làm vườn, làm bồi, cào tuyết, làm phu khuôn vác, vét bùn đường tàu, rửa bát, phóng đại và tô màu ở hiệu ảnh, làm bánh, đốt lò, vẽ ở hiệu làm đồ cổ, vẽ ở xưởng truyền thành, làm báo ( viết và làm mọi việc ở tòa báo ), viết sách ( sách chính trị, viết truyện, kịch,làm thơ ) bán diêm, bán thuốc lá, bán báo, đánh giấy, làm phiên dịch, dạy học, làm thuốc....

<sup>12</sup> . Bác giỏi tiếng Pháp, Anh, Nga, Trung Quốc, Thái lan và biết tiếng I-ta-li-a, Đức, Tây- Ban- Nha...

được những yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam và phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

Đó là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại nhằm đi tới mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Người đã nêu lên tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc; Người chỉ rõ: “ cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản; cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo; cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết của toàn dân trên cơ sở liên minh công- nông- trí thức; cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc; cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang của nhân dân.”

Bên cạnh đề cao mục tiêu giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh chú ý tới mục tiêu giải phóng giai cấp.

Hồ Chí Minh đã xem cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới, là một cái cánh của cách mạng vô sản. Khác với Mác, Ăngghen và Lê-nin, Hồ Chí Minh không xem xét cách mạng giải phóng dân tộc phụ thuộc vào cách mạng vô sản chính quốc mà đặt hai cuộc cách mạng này ngang hàng nhau, có mối quan hệ hữu cơ và tác động qua lại lẫn nhau. Người còn cho rằng, cách mạng giải phóng dân tộc có khả năng, điều kiện nổ ra và giúp cho cách mạng vô sản ở chính quốc giành thắng lợi. Đây là điểm mấu chốt trong việc phát triển lý luận chủ nghĩa Mac-Lênin về vấn đề giải phóng giai cấp và cách mạng vô sản trong điều kiện lịch sử mới của chủ nghĩa đế quốc.

Hồ Chí Minh đã xuất phát từ tình hình thực tế ở các nước thuộc địa phương Đông lúc bấy giờ, trong đó có Việt Nam để xác định đúng đắn nhiệm vụ lúc này không phải là làm ngay cuộc cách mạng vô sản, mà trước hết là phải đấu tranh giành lại độc lập, có độc lập dân tộc rồi mới có địa bàn để làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người cho rằng trong điều kiện một nước thuộc địa thì giải phóng giai cấp gắn bó chặt chẽ với giải phóng dân tộc. Giải phóng dân tộc là động lực lớn mà người cộng sản phải nắm lấy và phát huy, là một bước quan trọng để tiến tới giải phóng giai cấp. Cách mạng giải phóng dân tộc là điều kiện để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa và góp phần thiết thực vào sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản trên thế giới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn bó thống nhất giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Người đã trải qua 10 năm vận động chuẩn bị thành lập Đảng tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng và chính trị. Tích cực đào tạo cán bộ cách mạng, củng cố tổ chức, lập ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên để tuyên truyền vận động cách mạng, tổ chức và lãnh đạo cuộc đấu tranh của của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động Việt Nam. Người đã kịp thời xuất hiện đúng lúc, hợp nhất các tổ chức cộng sản ở nước ta, để lập ra Đảng cộng sản Việt Nam 3-2-1930- nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Vạch ra Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt được Hội nghị thành lập Đảng thông qua. Đó là cương lĩnh đúng đắn, sáng tạo để giải phóng dân tộc...

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã mở ra thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam- thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ra đời, đã xác định được những nội dung cơ bản nhất của con đường cách mạng Việt Nam; đáp ứng được những nhu cầu bức thiết của lịch sử và trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết thống nhất các tổ chức cộng sản, các lực lượng cách mạng và toàn thể dân tộc. Sự kiện thành lập Đảng cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt vô cùng quan trọng của lịch sử cách mạng Việt Nam, quyết định sự phát triển của dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Từ tháng 01/1941, Người về Tổ quốc trực tiếp chỉ đạo cách mạng chuẩn bị và tiến lên giành chính quyền, Người đã chủ trì HNTW 8 hoàn chỉnh chuyên hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đặt vấn đề khởi nghĩa vũ trang làm nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng toàn dân ta.

Người cũng đã cùng với Đảng đề ra và giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề về chiến lược và sách lược, dẫn đến thắng lợi lịch sử của cách mạng Tháng Tám.

Thành lập Mặt trận Việt Minh; sáng lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân 22- 12- 1944. Người là linh hồn của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 thắng lợi, soạn thảo và công bố bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam.

Ngày 2-9-1945 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập, công bố trước công dân và thế giới, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã được thành lập.

Bản Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đó là một thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã đánh bại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược cùng bè lũ tay sai của chúng, đất nước độc lập và thống nhất đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đảng ta đã thấm nhuần sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đã vận dụng vào công cuộc đổi mới đem lại nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng; uy tín nước ta trên trường Quốc tế rất cao; thế và lực của đất nước ngày càng lớn mạnh không ngừng.

Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong 34 năm đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại đã khẳng định tính đúng đắn và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thế và lực của đất nước không ngừng lớn mạnh. Việt Nam được dự báo là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới, trở thành nền kinh tế có mức thu nhập trung bình cao vào khoảng năm 2030. Theo dự báo của Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển (OECD), Việt Nam có khả năng gia nhập nhóm các nước phát triển vào khoảng năm 2050. Về hội nhập quốc tế, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với gần 190 nước, quan hệ kinh tế, thương mại với hơn 230 nước và vùng lãnh thổ, ký kết gần 100 hiệp định thương mại song phương. Việt Nam đã trở thành thành viên của hơn 70 tổ chức khu vực và quốc tế, các tổ chức tài chính toàn cầu, với 27 đối tác chiến lược, đối tác toàn diện. Trong đó, Việt Nam là nước ASEAN duy nhất có quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện với 5 thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, toàn bộ nhóm G7 và 13/20 nước G20. Đặc biệt, năm 2020, Việt Nam vinh dự thực hiện vai trò kép là Chủ tịch luân phiên của ASEAN và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021./.

